**Tiết 73 – 77**

**CHỦ ĐỀ: THƠ MỚI**

**I. Xây dựng chủ đề dạy học: *Thơ Mới***

**II. Xây dựng nội dung:**

- Bài học:Giới thiệu chung về *Thơ mới*, khám phá vẻ đẹp của một số tác phẩm tiêu biểu: *Nhớ Rừng (Thế Lữ), Ông Đồ (Vũ Đình Liên);*

*- Đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn*

- Tổng số chi tiết thực hiện chủ đề: 6 tiết

- Nội dung tiết 73,74,75: Khái quát chung về thơ mới, Nhớ Rừng (Thế Lữ), Ông Đồ (Vũ Đình Liên). Tiết 76, 77: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn. luyện tập, mở rộng, sáng tạo.

**III. Mục tiêu chủ đề:**

**1. Kiến thức.**

- Hiểu và cảm nhận được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của từng bài thơ: Nỗi đau mất nước và ý thức phục thù cứu nước, sức hấp dẫn của đoạn thơ qua cách khai thác đề tài lịch sử, lựa chọn thể thơ để diễn tả xúc động tâm trạng của nhân vật, nỗi chán ghét thực tại, niềm khao khát tự do, cảm hứng lãng mạn, lòng yêu nước thầm kín, Sự đổi mới về ngôn ngữ, giọng điệu, ý tứ, cảm xúc; Sự đổi thay trong đời sống xã hội và sự tiếc nuối của nhà thơ đối với những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một, sự trân trọng truyền thống văn hóa, nỗi cảm thương lớp nhà nho không hợp thời, lối viết bình dị mà gợi cảm của nhà thơ trong bài thơ.

- Nhớ, hiểu được đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn.

**2. Kĩ năng.**

- Đọc – hiểu văn bản thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn;

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn; phát hiện, so sánh, thấy được sự đổi mới trong hình thức thể loại văn học truyền thống.

- Cảm nhận được giọng thơ, hình ảnh thơ ở các văn bản; cảm xúc mãnh liệt thể hiện bằng thể thơ song thất lục bát

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

**3. Thái độ.**

- T×nh yªu thiên nhiên, yêu quª h­¬ng, yªu ®Êt n­íc.

- Gi¸o dôc HS biÕt quý träng, c¶m phôc tinh thÇn nghệ sĩ.

- Cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ, nhận ra giá trị thẩm mỹ trong văn học, biết rung cảm và hướng thiện.

**4. Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

- Phát triển năng lực đọc-hiểu, hợp tác và tư duy sáng tạo, nhận thức, làm chủ

- HS có năng lực hợp tác; Năng lực cảm thụ tác phẩm thơ trong một số tác phẩm tiêu biểu.

**IV. Bảng mô tả mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tác giả, hoàn cảnh sáng tác** | Nêu thông tin về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác của từng văn bản thơ. | Hiểu được hoàn cảnh sáng tác có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng nội dung trong từng  văn bản thơ. | Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh sáng tác để phân tích, lý giải giá trị nội dung, nghệ thuật của các văn bản thơ. | - So sánh các phương diện nội dung, nghệ thuật giữa các văn bản thơ cùng đề tài hoặc thể loại.  - Trình bày những cảm nhận riêng, phát hiện mới về các văn bản thơ.  - Chuyển thể văn bản.  - Liên hệ thực tế cuộc sống hiện nay.  - Kết hợp với chương trình địa phương: sưu tầm, tìm hiểu các sáng tác thơ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 ở địa phương. |
| **Đặc điểm thể loại** | Nhận biết, phát hiện thể thơ: ....đầu thế kỷ XX. | Khái quát đặc điểm của các thể loại thơ. | Biết một số đổi mới về thể loại, đề tài, cảm hứng, sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại của thơ Việt Nam |
| **Giá trị nội dung** | Biết phát hiện nội dung các văn bản thơ hiện đại đầu thế kỷ XX. | Hiểu được giọng thơ, hình ảnh thơ thể hiện cảm xúc của tác giả qua các văn bản thơ hiện đại đầu thế kỷ XX. | Trình bày cảm nhận về nội dung cơ bản của tác phẩm. |
| **Giá trị nghệ thuật** | Chỉ ra được các chi tiết nghệ thuật đặc sắc của mỗi văn bản thơ. | Hiểu được ý nghĩa và tác dụng của các từ ngữ, hình ảnh, hình tượng, câu thơ, chi tiết nghệ thuật, các biện pháp tu từ. | Phát hiện, so sánh, để thấy được sự đổi mới về nghệ thuật so với thơ ca truyền thống. |
| **Câu nghi vấn** | - Nhận biết ®Æc ®iÓm h×nh thøc cña c©u nghi vÊn.  - Chøc n¨ng cña c©u nghi vÊn | - Hiểu ®­îc ®Æc ®iÓm h×nh thøc cña c©u nghi vÊn trong khi viết .  - N¾m v÷ng chøc n¨ng chính cña c©u nghi vÊn : dïng ®Ó hái. Và các chức năng khác | - Phaân bieät c©u nghi vÊn víi c¸c kiÓu c©u kh¸c.  - Söû duïng biÖt c©u nghi vÊn trong khi vieát. | - Söûa loãi veà c©u nghi vÊn trong khi vieát  - Söû duïng c©u nghi vÊn trong caùc tröôøng cuï theå. |

**Hệ thống câu hỏi/ bài tập tương ứng với mỗi mức độ yêu cầu được mô:**

**1. Mức độ nhận biết:**

**Câu 1.** Nêu những nét chính về Thơ mới.

**Câu 2.** Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ “Nhớ rừng”?

**Câu 3.** Nêu bày những đặc điểm của câu nghi vấn?

**2. Mức độ thông hiểu:**

**Câu 1**.

**3. Mức độ vận dụng:**

**Câu 1.**  Viết đoạn văn cảm nhận của em về tâm trạng của chú hổ trong bài thơ*.*

**4. Mức độ vận dụng cao.**

**Câu 1.** Hãy phân tích

**Câu 2.** Nhận xét về hai bài thơ **“ Nhớ rừng”** (*Thế Lữ*) và “ **Khi con tu hú**” (*Tố Hữu),* có ý kiến cho rằng :

***“ Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau”.***

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**V. Chuẩn bị:**

**1. Chuẩn bị của học sinh**:

- Soạn bài.

- Sưu tầm tư liệu về Thơ mới và một số bài thơ tiêu biểu.

**2. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Soạn KHDH

- Chuẩn bị tác phẩm *Thơ mới*, một số ý kiến đánh giá về Thơ mới và các tác phẩm.

**VI. Thiết kể tiến trình dạy học:**

**BƯỚC 1. KHỞI ĐỘNG**

1. Mục tiêu:  *nhằm giúp học sinh huy động vốn kiến thức và kĩ năng về đặc điểm thơ hiện đại và Thơ mới VN để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới, tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để học sinh bước vào bài học mới.)*

2. Phương thức; hoạt động cá nhân…

3. Năng lực hình thành: giải quyết vấn đề, giao tiếp TV.

3. Cách thực hiện:

\* GV đặt câu hỏi:

?Trình bày bối cảnh xã hội nước ta giai đoạn 1930-1945 ?

? Em học những tác phẩm nào trong giai đoạn đó? Đánh giá chung của em về các tác phẩm ấy?

\* HS trình bày

\* GV đánh giá và chốt lại, dẫn dắt nội dung chủ đề

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**A. Đọc hiểu văn bản *Nhớ rừng* của Thế Lữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **HĐ1.Tìm hiểu chung về Thơ mới**  1. Mục tiêu: *Giúp HS tìm hiểu những nét chung về Thơ mới*  2. Phương pháp và kĩ thuật: *Vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.*  3. Kĩ năng: *giao tiếp, hợp tác, trình bày, lắng nghe tích cực.*  4. Cách tiến hành:  \* GV yêu cầu HS:  GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện 4 nội dung:  Nhóm 1: Em kể tên những tác phẩm thuộc phong trào thơ mới mà em biết? Em suy nghĩ như thế nào về tên goi: thơ mới? Từ kiến thức đã học, hãy cho biết thơ mới ra đời trong hoàn cảnh như thế nào? Theo em, sự xuất hiện của phong trào thơ mới có ý nghĩa gì?  Nhóm 2: Giới thiệu các giai đoạn Thơ mới. các tác giải tác phẩm tiêu biểu mà em biết  Nhóm 3: Theo em Thơ mới gồm những đặc điểm nào? (đặc điểm nghệ thuật và nội dung)  Nhóm 4: Em thường tìm hiểu tác phẩm trữ tình như thế nào? Nếu theo đặc điểm của thơ mới em có đề xuất cách tìm hiểu nào khác về thơ mới không?  - GV đánh giá chốt lại  a. Giai đoạn 1932-1935:  - Giai đoạn diễn ra cuộc đấu tranh giữa Thơ mới và “Thơ cũ”, trong đó thơ mới càng lúc càng thắng thế.  - Ở giai đoạn đầu, Thế Lữ là nhà thơ tiêu biểu nhất của Phong trào thơ mới.  b. Giai đoạn 1936-1939:  - Đây là giai đoạn Thơ mới chiếm ưu thế tuyệt đối so với “Thơ cũ” trên nhiều bình diện, nhất là về mặt thể loại.  - Giai đọan này xuất hiện nhiều tên tuổi lớn như Xuân Diệu (tập Thơ thơ -1938), Hàn Mặc Tử (Gái quê -1936, Đau thương -1937), Chế Lan Viên (Điêu tàn - 1937), Bích Khê (Tinh huyết - 1939), … Đặc biệt sự góp mặt của Xuân Diệu, nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới”  c. Giai đoạn 1940-1945:  - Từ năm 1940 trở đi xuất hiện nhiều khuynh hướng sáng tác. Có thể nói các khuynh hướng thoát ly ở giai đọan này đã chi phối sâu sắc cảm hứng thẩm mỹ và tư duy nghệ thuật trong sáng tác của các nhà thơ mới.  GV giới thiệu một số cách cảm nhận thơ mới.  **HĐ2. Khám phá vẻ đẹp một số bài thơ tiêu biểu trong chương trình ngữ văn 8**  a. Mục tiêu: Đạt được những gì?  b. Phương thức: PP gì? Cách thức ntn? Để thực hiện được hoạt động này cần những điều kiện gì?  c. Các bước tiến hành  Gọi học sinh đọc chú thích?   * Nêu vài nét về tác giả? * Giới thiệu về tác phẩm? * Cho biết thể thơ? * Tìm hiểu bố cục bài thơ? * “Nhớ rừng” là tâm sự của ai? * Khi mượn lời con Hổ ở vườn bách thú, nhà thơ muốn ta liên tưởng đến điều gì về con người? * Phương thức biểu đạt của văn bản là gì? * Quan sát bài thơ, chỉ ra những điểm mới của hình thức bài thơ này so với bài thơ đã học, như thơ Đường luật chẳng hạn? * Gọi học sinh đọc đoạn thơ 1 và 4? * Hổ cảm nhận ở vườn bách thú như thế nào? * Những nỗi khổ nào của Hổ khi bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú? * Trong đó, nỗi khỗ nào có sức biến thành khối căm hờn? vì sao? * Em hiểu khối căn hờn ở đây là gì? * Khối căm hờn ấy biểu thị thái độ sống và nhu cầu ấy như thế nào? * Cảnh vườn bách thú diễn tả qua các chi tiết nào? (đoạn 4) * Cảnh tượng ấy mang tính chất gì? * Cảnh tượng ấy gây nên phản ứng gì trong tình cảm của Hổ? * Em hiểu “niềm uất hận ngàn thâu” như thế nào? * Nghệ thuật nổi bật trong cảnh này là gì? * Phần này cho em hiểu gì về tâm sự của con Hổ? * Gọi học sinh đọc phần 2: đoạn 2, 3? * Cảnh sơn lâm được gợi tả qua những chi thiết nào? * Nhận xét cách dùng từ ở các câu thơ đó? Nghệ thuật đó có tác dụng gì? * Âm thanh ấy gợi lên cảnh sơn lâm ở đây như thế nào? * Trong không gian ấy, hình ảnh chúa tể hiện ra như thế nào? * Nhận xét cách dùng từ ngữ, nhịp thơ, biện pháp tu từ? * Hình ảnh chúa tể mang vẻ đẹp như thế nào? * Ở đoạn 3, cảnh rừng ở đây là cảnh của các thời điểm nào? * Cảnh sắc trong mỗi thời điểm đó có gì nổi bật? * Từ đó, thiên nhiên hiện lên 1 vẻ đẹp như thế nào? * Giữa thiên nhiên ấy hổ làm gì? * Tác giả dùng biện pháp tu từ gì trong các câu đó? Có ý nghĩa gì? Kiểu câu gì? * Điệp từ “đâu” kết hợp với câu thơ cảm thán có ý nghĩa gì? * Nhận xét 2 cảnh được miêu tả ở trên? Tính chất đối lập giữa 2 cảnh tượng này? * Sự đối lập đó có ý nghĩa gì trong việc diễn tả trạng thái tinh thần của con Hổ? | - HS trình bày  - Nguyên nhân ra đời:  + Xã hội Việt nam đầu thế kỉ XX có sự thay đổi sâu sắc.  + Những tư tưởng tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng với sự giao lưu văn học Đông Tây  + Sự thức tỉnh của cái tôi cá nhân.  + Tiềm năng của nền văn học dân tộc.=> Điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của Phong trào thơ mới 1932-1945.  - Ý nghĩa:  + Sự xuất hiện của thơ mới đã mở ra “một thời đại trong thi ca”, mở đầu cho sự phát triển của thơ ca Việt Nam hiện đại.  + Ý thức về cái tôi mãnh liệt.  - Các thời kỳ phát triển của Phong trào thơ mới .  - Học sinh đọc.  - 8 chữ  - 3 phần.  - Con Hổ.  - Tâm sự con người.  - Biểu cảm gián tiếp.  - Không hạn định lượng câu, chữ, đoạn.  - Mỗi dòng 8 tiếng.  - Ngắt nhịp tự do, vần không cố định…  - Học sinh đọc.  - Là 1 nỗi khổ.  - Không được hoạt động, phải ở trong không gian tù hãm, thời gian kéo dài.  - Bị biễn thành trò chơi cho thiên hạ tầm thường; bị ở chung cùng bọn thấp kém.  - Nỗi nhục bị biến thành trò chơi lạ mắt cho mọi người.  - Cảm xúc căn hờn kết đọng trong tâm hồn, đè nặng nhức nhối, không giải thoát.  - Chán ghét cuộc sống tầm thường, tù túng.  - khát vọng tự do.  - Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng cây trồng. Dải nước… bí hiểm.  - Đểu giả, nhỏ bé, vô hồn.  - Niềm uất hận.  - Trạng thái bực bội, u uất kéo dài.  - Giọng thơ giễu nhại. Ngắt nhịp ngắn…  - Chán ghét thực tại, khao khát sống tự do.  - Học sinh đọc.  - Bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn thét núi…  - Điệp từ, động từ.  - Gợi tả âm thanh dữ dội.  - Linh thiêng.  - Ta bước chân… mọi vật đều im hơi.  - Động từ, nhịp tho ngắn thay đổi, so sánh.  - Ngang tàng, oai phong, lẫm liệt.  - những đêm, những ngày mưa, những bình minh, những chiều.  - Đêm vàng, ngày mưa chuyển…  - rực rỡ, huy hoàng, náo động, hùng vĩ, bí ẩn.  - Ta say mồi… tan; ta…đổi mới; Tiếng… bừng; Ta đợi… gay gắt.  - Điệp từ: đại từ “ta”, “đâu”.  - cảm thán.  - Nhấn mạnh, bộc lộ nỗi tiếc nuối cuộc sống tự do.  - Đối lập; 1 bên là cảnh tù túng, 1 bên phóng khoáng.  - Khát vọng cuộc sống tự do.  - Oai linh, hũng vĩ, thênh thang.  - Câu cảm thán.  - Mãnh liệt to lớn nhưng đau xót, bất lực.  - Sống chân thật trong xứ sở mình 🡪 khát vọng giải phóng.  - Chán ghét thực tại giả dối, khao khát tự do.  ***1- Nghệ thuật :***  Bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn, đầy nhạc tính, giàu chất tạo hình, giọng thơ đa dạng linh hoạt.  *2-* ***Nội dung:***  Tác giả mượn lời con hổ để gơi gắm tâm trạng của mình, của những người Việt Nam yêu nước. | **A. Khái quát chung về Thơ mới**  **I. Khái niệm:** Tên gọi Thơ mới dùng để chỉ một trào lưu thơ xuất hiện từ 1932-1945, với sự xuất hiện của một loạt tên tuổi lớn và hàng loạt sáng tác có sự cách tân táo bạo cả về hình thức và nội dung.  **II. Đặc điểm của phong trào thơ mới**  **1. Nội dung:**  - Sự khẳng định cái Tôi: Cái tôi cá nhân: Con người cá tính, con người bản năng được đề cao. Cái tôi với nỗi buồn cô đơn.  - Tinh thần dân tộc sâu sắc, tâm sự yêu nước thiết tha: khao khát tự do; tập trung vào đề tài quê hương, đất nước; tình yêu thiên nhiên sâu sắc; sự gọt giữa về ngôn ngữ.  - Cảm hứng về thiên nhiên và tình yêu: Cảm hứng về thiên nhiên và tình yêu đã tạo nên bộ mặt riêng cho Thơ mới. Đó là vẻ đẹp tươi mới, đầy hương sắc, âm thanh, tràn trề sự sống.  **2. Nghệ thuật:**  - Về thể loại, ban đầu Thơ mới phá cách một cách phóng túng nhưng dần dần trở về với các thể thơ truyền thống quen thuộc như thơ ngũ ngôn, thất ngôn, thơ lục bát.  - Về ngôn ngữ: Có nhiều cách tân về ngôn ngữ  - Cách hiệp vần, hài thanh, ngắt nhịp: độc đáo, sáng tạo.  + Cách hiệp vần trong Thơ mới rất phong phú, ít sử dụng một vần (độc vận) mà dùng nhiều vần  + Hài thanh, ngắt nhịp:  **B. Vẻ đẹp của một số bài thơ mới tiêu biểu.**  **Bài 1. Nhớ rừng (Thế Lữ)**  **I – Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả** (1907 - 1989):  Thế Lữ là một trong những nhà thơ lớp đầu của phong trào Thơ mới.  **2. Tác phẩm:**  **a. Thuộc phong trào Thơ mới**:  - Quá trình: 1932 - 1945.  - Tính chất: lãng mạn.  - Tác giả: Trí thức tiểu tư sản.  - Đóng góp không nhỏ cho nền thơ ca nước nhà.  **b. Thể loại**: Thơ 8 chữ  **3 – Đọc, bố cục:**  **II – Tìm hiểu văn bản:**  **1 – Cảnh con Hổ ở vườn bách thú:**  - Gậm – Trong- Khinh.- Giương – Sa - Chịu.  🡪 Giọng u uất, ngắt nhịp ngắn, dồn dập, động từ: chán ghét cuộc sống tù túng.  - Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng cây trồng…  🡪 Từ ngữ liệt kê liên tiếp, miêu tả.  Đểu giả, nhỏ bé, vô hồn 🡪 bực bội, u uất.  🡺 Chán ghét sâu sắc thực tại tù túng, tầm thường, giả dối. Khao khát được sống tự do, chân thật.  **2 .Cảnh con Hổ trong chốn giang sơn hũng vĩ của nó:**  - Bóng cả, cây già.  - Gào, thét, hét.  🡪 Điệp từ, động từ: sức sống mãnh liệt của núi rừng bí ẩn 🡪 cảnh linh thiêng.  - Bước, lượn, vờn, qoắc, khiến.  🡪 Động từ, so sánh; nhịp thơ ngắn, thay đổi: mềm mại, uyển chuyển nhưng rất oai phong, ngang tàng, lẫm liệt.  - những đêm, những ngày, những chiều: rực rỡ, huy hoàng, náo động, hũng vĩ, bí ẩn.  - Đâu: điệp từ, câu cảm thán:  Nhấn mạnh nỗi tiếc nuối cuộc sống tự do  🡺 Hai cảnh đối lập nhau.  **3 – Khao khát giấc mộng ngàn:**  🡪 Câu cảm thán:  - Nỗi tiếc nhớ cuộc sống chân thật, tự do, nỗi đau bi kịch.  **4. Lời tâm sự của thế hệ tri thức những năm 1930**:  - Khao khát tự do, chán ghét thực tại tầm thường, tù túng.  - Biểu lộ lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước.  **III. Tổng kết:**  ***1- Nghệ thuật :***  Bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn, đầy nhạc tính, giàu chất tạo hình, giọng thơ đa dạng linh hoạt.  *2-* ***Nội dung:***  Tác giả mượn lời con hổ để gơi gắm tâm trạng của mình, của những người Việt Nam yêu nước. |

**Bài 2: *Ông đồ* ( Vũ Đình Liên)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HĐ của GV | HĐ của HS | Nội dung |
| - Nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm?  - GV đọc, HD HS đọc.  - Chia bố cục?  **?** Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện không khí mùa xuân?  **?** Những chi tiết, hình ảnh đó cho thấy một mùa xuân như thế nào?  **?** Trong khung cảnh mùa xuân đó, người ta rất quen thuộc với sự xuất hiện của lớp người nào?  **?** Vì sao ông đồ được mọi người mến mộ?  **?** Nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ?  **?** Việc ông đồ được trân trọng như vậy thể hiện nét đẹp gì của dân tộc ta xưa?  **?** Ở hai khổ thơ này, tác giả đã kể sự việc gì? Thể hiện bằng nghệ thuật gì?  **?** Ở hai khổ thơ này, tác giả đã miêu tả những hình ảnh nào? Thể hiện bằng những nghệ thuật nào?  **?** Qua sự kết hợp BC với miêu tả và tự sự đó, tác giả muốn nhấn mạnh hình ảnh ông đồ như thế nào?  **?** Hãy so sánh mùa xuân trong khổ đầu với mùa xuân trong khổ cuối?  **?** Hãy nhận xét cách gọi tên ông đồ qua từng thời kì của tác giả?  **?** Theo em, ai sẽ là người trả lời câu hỏi tu từ cuối bài thơ?  **?** Qua đó nói lên nỗi niềm gì của người viết? | - Đọc chú thích.  - Dựa vào chú thích nêu.  - HS đọc.  - 2 phần:  + 2 khổ đầu: Ông đồ thời đắc ý.  + 2 khổ tiếp: Ông đồ thời tàn.  + khổ cuối: tình cảm tác giả  - **\* Đọc lại hai khổ đầu.**  - Hoa đào nở báo hiệu mùa xuân về, trên phố đông đúc người qua lại.  - Một mùa xuân tươi tắn (màu hồng đào, giấy đỏ), sinh động (động từ *nở, qua*)  - Ông đồ (nhà Nho) xuất hiện.  - Ông đồ viết câu đối, tài năng nên được mọi người mến mộ:  *Bao nhiêu người thuê viết*  *Tấm tắc ngợi khen tài*  *“Hoa tay thảo những nét*  *Như phượng múa rồng bay”*  - Năm hết tết đến, mỗi gia đình háo hức thuê ông đồ viết những câu đối về treo trong nhà, việc làm đó đã trở thành nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc ta suốt một thời kì.  **\* Đọc hai khổ thơ tiếp:**  - Trong nhiều mùa xuân sau đó, ông đồ vẫn ngồi trên hè phố, nhưng những người thuê viết thì thưa vắng dần, thậm chí “qua đường không ai hay”.  - *Giấy đỏ buồn không thắm*  *Mực đọng trong nghiên sầu*  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  -> Tả bằng nghệ thuật nhân hóa và tả cảnh ngụ tình.  => Hình ảnh ông đồ đang dần bị quên lãng.  **\* Đọc khổ cuối:**  - Giống nhau: Thời gian tuần hoàn, hoa đào nở lại báo hiệu một mùa xuân đông vui. Khác nhau: khổ 1 hình ảnh ông đồ là trung tâm của mùa xuân; ở khổ cuối đã vắng bóng ông đồ.  - Ông đồ già -> ông đồ xưa -> người muôn năm cũ: Cách gọi tên thể hiện sự biến mất dần dần của ông đồ.  - Một câu hỏi lớn như rơi vào im lặng mênh mông và từ đó dội lên bao nỗi niềm tiếc nuối và mong gặp lại một thời đã qua của tác giả. | **I. Tìm hiểu chung:**  **(1913 - 1996).**  - Nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.  - Thơ mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ.  **2. Tác phẩm:**  - Là bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất cho phong cách thơ Vũ Đình Liên.  - Thể thơ: ngũ ngôn.  - Bố cục: 3 phần.  **II. Đọc, tìm hiểu văn bản:**  **1. Ông đồ thời đắc ý:**  - Ông đồ xh khi mùa xuân đến trong khung cảnh rộn rang.  - So sanh Ông đồ hiện ra là một nghệ sĩ tài năng được nhiều người mến mộ.  **2. Ông đồ thời tàn:**  - Thời gian tuần hoàn, cảnh vật thay đổi.  - Câu hỏi tu từ, nhân hóa, tả cảnh ngụ tình  Ông đồ xh với nỗi cô đơn, buồn bã, trơ trọi, lạc long giữa dòng người qua lại.  Gợi sự tàn tạ của một lớp người trước sự thay đổi của thời cuộc.  **3. Tình cảm cảu tác giả:**  Đồng cảm sâu sắc với nỗi tê tái của ông đồ đồng thời nuối tiếc cho một thời đại văn hóa đã qua đi.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ ngũ ngôn hiện đại.  - Xây dựng hình ảnh đối lập.  - Kết cấu đầu cuối tương ứng.  - Kết hợp biểu cảm với kể, tả.  - Kết hợp các bpnt.  - Lời thơ giàu cảm xúc.  **2. Ý nghĩa:**  Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai. |

**C. Câu nghi vấn và câu nghi vấn (tt)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động thầy** | **Hoạt động trò** | **Kiến thức** |
| GV treo bảng phụ ví dụ 1 /11  - Trong các câu trên, câu nào là câu nghi vấn? Đặc điểm hình thức nào giúp em nhận biết được nó ?  - Câu nghi vấn dùng để làm gì ?  - Qua phân tích, hãy trình bày những hiểu biết của em về đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn ?  - Hãy kể thêm một số từ nghi vấn thường gặp ?  GV bổ sung: các từ nghi vấn đó dùng để hỏi về số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm…  -Lấy ví dụ về câu nghi vấn?  - GV gọi HS đọc các ví dụ a, b, c, d , e SGK  - Hãy xác định câu nghi vấn trong các đoạn trích trên? Dựa vào đâu em biết đó là câu nghi vấn?  GV : nhận xét  - Hăy xác định chức năng của các câu nghi vấn trên ? ( gợi : thử tìm câu trả lời cho những câu nghi vấn này ? Những câu nghi vấn này có chức năng để hỏi không ? Nếu không, nó dùng để làm gì ?)  - Việc dùng dấu câu ở những câu nghi vấn này có gì đặc biệtGV tổng hợp .  - Qua phân tích, hãy nêu một số chức năng khác của câu nghi vấn?  Khi thể hiện những chức năng ấy của câun nghi vấn, ta cầm chú ý gì về việc sử dụng dâú câu?  -Lấy ví dụ về câu nghi vấn không có chức năng dùng để hỏi ?  **.** - Gọi HS đọc bài tập 1 và xác định yêu cầu đề.  GV làm mẫu câu a, sau đó, yêu cầu HS hoàn thành bài tập .  - Goị HS đọc bài tập 2  - Vì sao ta xác định các câu này là câu nghi vấn?   * Ta có thể thay thế từ “hay” bằng từ “hoặc” không? Vì sao?   - Bài tập 3 yêu cầu gì ?  - Các câu trên có dấu hiệu gì của câu nghi vấn ?  - Vậy ta có thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu không? Vì sao?  -Gọi HS đọc bài tập 4  - GV yêu cầu HS xác định sự khác nhau về hình thức của các cặp câu nghi vấn ?  - Về mặt ý nghĩa, cặp câu này có gì khác ?  GV nhận xét, bổ sung  GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành các bài tập 5,6  - Gọi HS đọc bài tập 1, xác định yêu cầu đề.  GV làm mẫu bài tập 1. a.  Các câu khác yêu cầu học sinh thực hiện .  GV nhận xét, bổ sung .  Gọi Hs đọc bài tập 2 và xác định yêu cầu đề.  - gọi 4 học sinh lên bảng thực hiện bài tập.  Nhận xét.  - Phần chuyển thành câu không phải là câu nghi vấn có ý nghĩa tương đương, giáo viên hướng dẫn từng câu .  - Gọi HS đọc bài tập 3.  GV cho học sinh lấy ví dụ, nhận xét và sửa chữa( có thể hướng học sinh đặt những câu nghi vấn có chức năng đề nghị, yêu cầu)  Bài tập 4 cho học sinh về nhà hoàn thành . | + Câu nghi vấn thường được kết thúc bằng dấu chấm hỏi , và thường có từ dùng để hỏi : có…không, hay, hay là…  + Câu nghi vấn dùng để hỏi  + HS trình bày.  Nhận xét  + ai, gì, sao, nào, hả, tại sao, bao nhiêu, mấy,…  + HS lấy ví dụ.  HS đọc bài.  Phát biểu  Những câu này có dấu châm hỏi ở cuối câu , hoặc có dùng từ nghi vấn  + Những câu nghi vấn này không có câu trả lời mà có những chức năng khác .  + Ở câu 2 ví dụ e, dùng dấu chấm cảm ở cuối câu .  + HS tổng hợp kiến thức  Nhận xét.  HS lấy ví dụ .  + Xác định câu nghi vấn và hình thức của nó  HS lên bảng hoàn thành các bài tập trong câu 1  HS đọc bài tập.  + Vì nó có từ “hay”chỉ quan hêï lựa chọn  + ta không thể thay thế bởi vì câu sẽ biến thành câu trần thuật .  HS đọc bài.  + Các câu a, b có từ nghi vấn “tại sao”  Các câu c, d có từ nghi vấn “ai”  + Không thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu vì các từ nghi vấn này đều là từ phiếm định hoặc là bổ ngữ mang ý khẳng định.  HS đọc bài  + Hình thức : có cặp từ nghi vấn : đã… chưa, có …không  +Ở câu b, phải có một giả định từ trước ( người được hỏi phải có vấn đề về sức khoẻ), nếu không có giả định đó thì câu hỏi trở thành vô nghĩa.  + Xác định câu nghi vấn và chức năng của nó.  Hs thực hiện bài tập  Nhận xét, sửa chữa.  HS đọc yêu cầu đề.  Nhận xét và bổ sung ,  HS thực hiện phần hai của bài tập.  HS đọc bài  Đặt câu, sửa chữa và hoàn thiện | **I.Đặc đỉêm hình thức và chức năng :**  ***1/Ví dụ:***  - Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không ?  -Thế làm sao ucứ khóc mãi mà không ăn khoai?  -Hay là u thương chúng con đói qúa?  2/**Đặc đỉêm hình thức và chức năng:**  - Là câu thường có từ nghi vấn hoặc có từ “hay”  - Chức năng: dùng để hỏi  - Câu nghi vấn thường kết thức bằng dấùu chấm hỏi.  **II. Các chức năng khác:**  ***1/Tìm hiểu ví dụ :***  a.Những người … giờ?🡢  bộc lộ sự tiếc nuối, hoài niệm về qúa khứ.  b. Mày định nói … đấy à ? 🡢 dùng để đe doạ  c. Có biết không ? …à ?🡢 dùng để đe doạ  d. Một người…hay sao?🡢 Hỏi để khẳng định  e- Con gái … ư ?…🡢 Bộc lộ sự ngạc nhiên  *2****- Các chức năng khác của câu nghi vấn:***  - câu nghi vấn còn có chức năng : cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe doạ, bộc lộ cảm xúc.  - Trong một số trường hợp câu nghi vấn có thể kết thúc bằng các dấu chấm than, dấu chấm, hoặc dấu chấm lửng…  ***Bài tập 1****:*  a- Chị khất tiền sưu…phải không ?  b- Tại sao…. Như thế?  **III. Bài tập:**  Bài 1:  a. Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không?  b. Tại sao con người ta lại phải khiêm tốn như thế?  c. Văn là gì? Chương là gì?  d- Chú mình … không?  Đùa trò gì?  Cái gì thế ?  Tất cả đều có từ nghi vấn và dấu chấm hỏi cuối câu  ***Bài tập 2:***  Ta xác định các câu trên là câu nghi vấn bởi vì có dùng từ “hay" chỉ quan hệ lựa chọn.  Không thể thay bằng từ hoặc đựơc, vì như thế nó sẽ biến thành câu trần thuật  ***Bài tập 3:***  Không thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối các câu vì từ nghi vấn trong cau chỉ là đại từ phiếm chỉ, hoặc là bổ ngữ mang tính khẳng định.  ***Bài tập 4:***  -Về hình thức : có cặp từ nghi vấn : đã… chưa, có …không?  -Về ý nghĩa : câu a không có giả định, câu b có một giả định đặt ra từ trước.  ***Bài tập 4*** *:*  a- Con người…ư?  Bộc lộ sự ngạc nhiên  c- Cầu khiến và bộc lộ cảm xúc  d- Oâi…. Bay ?  Phủ định và bộc lộ cam xúc.  ***Bài tập 5*** *:*  - Hình thức : có dấu chấm hỏi ở cuối câu và có từ nghi vấn  - Chức năng :  a- Phủ định  b- Bộc lộ sự boăn khoăn, ngần ngại  c. Khẳng định  d- Dùng để hỏi  ***Bài tập 6 :*** |

**3. Hoạt động luyện tập: 10’**

***Hoạt động 1(1’): Chuyển giao nhiệm vụ học tập (luyện tập)***

Hoạt động cá nhân và nhóm hoàn thành các bài tập sau:

1.Hãy trình bày những cảm nhận sâu sắc của mình về tâm trạng của con hổ trong vườn bách thú trong bài thơ “Nhớ rừng”(Thế Lữ).

2.Cảm nhận hình ảnh ông đồ qua bài thơ “Ông đồ (Vũ Đình Liên)”.

4.Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về phong trào Thơ mới trong đó có sử dụng câu nghi vấn.

**4. Hoạt động vận dụng 10’**

- Phân tích bài thơ “Nhớ rừng”(Thế Lữ) có sử dụng câu nghi vấn.

- Phân tích bài thơ“Ông đồ (Vũ Đình Liên)” có sử dụng câu nghi vấn.

**-** Tìm hiểu thêm về tâm sự của những người dân mất nước hồi đầu thếkỉ XX.

**-** Tìm hiểu thêm về nỗi lòng của lớp nguời dạy học chữ nho xưa.

-Sưu tầm những bài thơ của các tác giả trong phong trào Thơ mới.

- Sưu tầm những đoạn (bài) thơ, văn có sử dụng câu nghi vấn.

- Tập đặt câu có sử dụng câu nghi vấn không có chức năng dùng để hỏi.

**C. TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ**

**CHUYÊN MỤC: KHÁN GIẢ THÔNG MINH**

|  |  |
| --- | --- |
| -Hãy làm khán giả của chương trình “ VĂN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG”. Chia sẻ cảm nhận của em sau khi thưởng thức chương trình ?  (1) Nghe ngâm hai bài thơ “Nhớ rừng” và “Ông đồ”.  (2) Nghe hai bài hát “ Áo trắng”- thơ Huy Cận và “ Chân quê”- thơ Nguyễn Bính.  (3) Giới thiệu phần ngâm thơ các tác phẩm của Xuân Diệu. Nghe một bài “ Gửi hương cho gió”? | - Đề tài của thơ mới:..........................  .........................................................  -Cảm nhận về nội dung các tác phẩm thơ mới được trình bày qua giọng ngâm và giọng ca..............................  ............................................................  -Tư tưởng, tình cảm của các tác giả gửi gắm qua thi phẩm được biểu diễn  ........................................................ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Description: od- 2** | **Description: hc-1** | **Description: cq-2** |
| **Description: nr2** | **Description: xd-2** |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15P)**

**I.TRẮC NGHIỆM (4đ)**

**1.Văn bản Nhớ rừng, Quê hương thuộc phong trào thơ nào?**

A.Văn học hiện thực Việt Nam 1930-1945

B.Văn học phong trào Thơ Mới

C.Văn học trung đại

D.Văn học hiện đại

**2.Nhân vật trữ tình trong tác phẩm “Nhớ rừng”?**

A.Con hổ.

B. Ông Đồ

C. Nhân vật tôi

D. Nhân vật người con xa quê

**3. Dòng nào dưới đây thể hiện cảm hứng chủ đạo trong bài thơ “Ông đồ” (Vũ Đình Liên) ?**

A. Niềm hoài cổ sâu sắc

B. Nỗi nhớ cảnh cũ người xưa

C. Lòng thương người

D. Lòng thương người và nỗi niềm hoài cổ.

**4. Bài thơ “Nhớ rừng” (Thế Lữ) đã khơi gợi tình cảm gì ở người dân Việt Nam đương thời ?**

A. Sự chán ghét thực tại tù túng

B. Lòng yêu nước thầm kín

C. Lòng căm thù giặc

D. Mong muốn được thoát li cuộc sống thực tại

**II. Tự luận (6 điểm)**

Câu 1.Từ tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX, em có suy nghĩ gì về cuộc sống hòa bình tự do ngày nay (trình bày khoảng một trang, trong đó có sử dụng một câu nghi vấn với chức năng khác).

**\* Đáp án**

**I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi ý trả lời đúng được 1 điểm)**

1-B

2-A

3-D

4-B

**II. TỰ LUẬN**

***- Gv nêu yêu cầu:***

- Hình thức:(1 điểm)

+ Sử dụng phương thức nghị luận. Có sử dụng câu nghi vấn.

+Trình bày, diễn đạt : Bố cục hợp lý, ngôn ngữ truyền cảm, hấp dẫn.

- Nội dung: (5 điểm)

+ Nêu vấn đề.

+ Khái quát tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX: Cuộc sống nô lệ, tù túng, tẻ nhạt, uất hận...

+ Trân trọng cuộc sống tự do ngày nay: Người người sống trong hoà bình, ấm no, hạnh phúc.

+ Biết ơn những người đã hy sinh xương máu để giành lại độc tự do cho dân tộc.

+ Sống có trách nhiệm với bản thân và đất nước. Xây dựng cuộc sống ngày một tốt đẹp.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(4P)**

(1). Tìm hiểu thêm về phong trào thơ mới.

(2). Vận dụng tìm hiểu một số bài thơ mới:

- ***Nắng mới***- Lưu Trọng Lư

- ***Chợ tết*** - Đoàn Văn Cừ

- ***Mùa xuân chín***- Hàn Mặc Tử

**5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO(5P)**

- Chuẩn bị soạn văn bản tiếp theo: Quê hương

- Sưu tầm thông tin về tác giả, tác phẩm để báo cáo ( vẽ trên giấy khổ rộng hoặc thiết kế trình chiếu trên máy tính -máy chiếu).

- Đọc tài liệu tham khảo

-Trả lời các câu hỏi SGK.

**\*Rút kinh nghiệm:**

**...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**